

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-PT

Ngày: 19/01/2022

V/v tranh chấp: “*Thừa kế quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Lạc
Ông Đặng Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Yến- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Bích- Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*”, do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST, ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 186/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Ông **Trần Văn T**- Sinh năm 1956; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

2/ Bà **Trần Thị L** -Sinh năm 1961; nơi cư trú: thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- Bị đơn: Bà **Trần Thị C1**- Sinh năm 1942; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà **Đào Thu H1** –Sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 08/12/2020 -Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Phạm Văn H2**- Luật sư của Văn phòng Luật sư Phạm Văn Hồng thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ: thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Trần Thị N1** - Sinh năm 1949; nơi cư trú: Phường X, Quận Y, Chợ Lớn, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Bà **Trần Thị N2**- Sinh năm 1952; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N1, bà Trần Thị N2: Ông **Trần Văn T**- Sinh năm 1956; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 28/6/2019 - Có mặt).*

3. Ông **Đào C2** - Sinh năm 1940; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Chết ngày 03/8/2020).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đào C2:

3.1. Bà **Trần Thị C1**- Sinh năm 1942; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

3.2. Bà **Đào Thu N3** - Sinh năm 1965; nơi cư trú: phường Q, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

3.3. Bà **Đào Thu H3** - Sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp B, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

3.4. Ông **Đào Trọng H4** - Sinh năm 1971; nơi cư trú: xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước (Vắng mặt).

3.5. Ông **Đào Trọng C3** - Sinh năm 1979; nơi cư trú: phường S, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

3.6. Bà **Đào Thu N4** - Sinh năm 1967; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.(Vắng mặt)

3.7. Ông **Đào Trọng Đ**- Sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.(Vắng mặt)

3.8. Bà **Đào Thu H1** - Sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt)

3.9. Bà **Đào Thu O** - Sinh năm 1983; nơi cư trú: Phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo: Bị đơn **Trần Thị C1**.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Nguyên đơn Trần Văn T trình bày:*

Cha ông là cụ Trần Văn T1 (chết năm 1965) và mẹ ông là cụ Trần Thị T2 (chết năm 2006); cha mẹ ông chết đều không để lại di chúc. Cha mẹ ông có 05 người con gồm: bà Trần Thị C1, bà Trần Thị N1, bà Trần Thị N2, ông Trần Văn T và bà Trần Thị L. Trong quá trình chung sống, cha mẹ ông có tạo lập được

khối tài sản bao gồm quyền sử dụng đất tại thửa 20, tờ bản đồ số 28, diện tích 688,8m² đất thổ vườn tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (thửa cũ là thửa 633); ngoài khối tài sản này, cha mẹ ông chết không để lại tài sản nào khác. Đây là khối di sản thừa kế của cha, mẹ ông chết để lại chưa chia nên nay ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất thửa 20 (thửa cũ là thửa 633), diện tích theo đo đạc là 684,3m². Ông yêu cầu chia phần đất thửa 20 thành 05 phần bằng nhau, mỗi người nhận diện tích là 136,86m²; Ông yêu cầu được nhận phần đất theo đo đạc thực tế là 206,5m², phần đất ông nhận dư diện tích là 69,64m² thì ông sẽ thôi giá trị đất lại cho bà N2 với giá là 2.200.000đ/m², thành tiền là 153.208.000đ.

**Nguyên đơn Trần Thị L trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của ông T. Ngoài thửa đất số 20, cha mẹ bà chết không để lại tài sản nào khác. Bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất thửa 20. Bà yêu cầu chia phần đất thửa 20 thành 05 phần bằng nhau và bà được nhận phần đất có diện tích là 136,86m² nhưng bà có chỗ ở ổn định và không có nhu cầu sử dụng đất nên bà yêu cầu được nhận giá trị đất, bà đồng ý để đất lại cho bà C1 được quyền sử dụng và bà C1 phải trả lại cho bà phần đất nhận thừa kế với giá 2.200.000đ/m², thành tiền là 301.092.000đ.

**Bị đơn Trần Thị C1 (do bà Đào Thu H1 đại diện) trình bày:*

Lời trình bày của ông T, bà L, bà N1, bà N2 là không đúng. Cha bà Trần Thị C1 không phải là cụ Trần Văn T1 mà là cụ Lương Văn Đ1 (bà Trần Thị C1 theo họ mẹ). Cụ Lương Văn Đ1 và cụ Trần Thị T2 có 02 người con là Trần Thị C1 và Lương Văn N5. Ông Lương Văn N5 (chết năm 1970) không có vợ con. Đến năm bà C1 được 06 tuổi thì cụ Đ1 và cụ T2 ly hôn. Sau đó, cụ Trần Thị T2 lập gia đình mới với cụ Trần Văn T1 và hai người có 04 người con là bà Trần Thị N1, bà Trần Thị N2, ông Trần Văn T và bà Trần Thị L.

Tháng 6/1976, bà C1 và ông Đào C2 đã về ở và cất nhà cho đến nay. Năm 2000, cụ T2 và Hội người Hoa có tranh chấp đất đai. Ngày 06/3/2000, Phòng Địa chính huyện Vũng Liêm kết hợp với Ủy ban nhân dân xã Trung Thành mời các bên lên giải quyết và các bên đã tự thống nhất nên Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm đã ra Quyết định số 19/QĐ.UBH ngày 05/5/2000 công nhận thỏa thuận giữa Hội người Hoa với cụ T2. Sau đó, cụ T2 đã giao lại cho chị Huỳnh Thị Cẩm N6 và anh Lê Quốc T3 đăng ký kê khai thửa 837 diện tích 310m² và giao cho ông Trần Văn T kê khai đăng ký thửa 838 diện tích 660m². Phần đất còn lại diện tích 530,8m² giao cho cụ T2 quản lý sử dụng đến ngày cụ T2 chết. Hiện nay, phần đất cụ T2 đang quản lý sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Theo đo đạc Vlap thì thửa đất này là thửa 20 tờ bản đồ số 28, diện tích 688,8m². Phần đất tranh chấp từ trước đến nay là do bà C1 xây dựng nhà ở, trực tiếp quản lý sử dụng và đóng thuế hàng năm.

Bà C1 xác định đây là vụ án tranh chấp đất đai không phải là tranh chấp thừa kế vì thửa đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không thể

chia thừa kế. Thửa đất này có nguồn gốc là đất nghĩa địa, trước khi gia đình bà về ở thì chưa có ai đăng ký quyền sử dụng đất và không có ai tranh chấp. Trước đây Phòng Địa chính huyện có mời gia đình bà đến xã Trung Thành để nộp tiền đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tuy nhiên, khi xã tiến hành đo đạc để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T đứng ra cản trở không cho đo đạc.

Đối với yêu cầu chia thừa kế của ông T, bà L, bà N1, bà N2 thì bà C1 không đồng ý. Đối với phần đất bà N1 đang sử dụng thì bà C1 không có tranh chấp; đối với phần đất ông T thì phần chỉ ranh tại tách thửa 663-3, diện tích 20,1m² là do bà C1 quản lý sử dụng từ trước đến nay nên yêu cầu giao cho bà C1 sử dụng.

Bà Trần Thị C1 yêu cầu Tòa án công nhận cho bà được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 328,9m² gồm tách thửa 663-1, 663-2, 663-3 theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vũng Liêm ngày 02/7/2020.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N1 trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của ông T. Ngoài thửa đất số 20 thì cha mẹ bà chết không để lại tài sản nào khác. Bà yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất thửa 20 theo pháp luật. Bà yêu cầu chia phần đất thửa 20 thành 05 phần bằng nhau, mỗi người nhận diện tích là 136,86m²; bà yêu cầu được nhận phần đất theo đo đạc thực tế là 169m², phần đất bà nhận dư diện tích là 32,14m² thì bà sẽ thối lại giá trị đất cho bà N2 với giá là 2.200.000đ/m², thành tiền 70.708.000đ.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N2 do ông Trần Văn T làm đại diện trình bày:*

Bà N2 thống nhất với lời trình bày của ông T. Cha, mẹ của bà N2 chết không để lại di chúc. Ngoài thửa đất số 20, diện tích 684,3m² thì cha mẹ bà không còn để lại tài sản nào khác. Bà N2 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất thuộc thửa 20 thành 05 phần bằng nhau và bà được nhận phần đất có diện tích 136,86m² nhưng bà đã có chỗ ở ổn định và không có nhu cầu sử dụng đất nên bà yêu cầu được nhận giá trị đất, bà đồng ý để đất lại cho ông T phần diện tích là 69,64m², để lại cho bà N1 là 32,14m² và để lại cho bà C1 là 35,08m² đối với phần đất được nhận; đồng thời, ông T, bà N1, bà C1 phải trả lại cho bà N2 giá trị đất là 2.200.000đ/m². Số tiền ông T phải trả lại cho bà N2 là 153.208.000đ, bà N1 phải trả lại cho bà N2 là 70.708.000đ, bà C1 phải trả lại cho bà N2 là 77.176.000đ.

** Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào C2 là bà Đào Thu H1, bà Đào Thị N3, ông Đào Trọng Đ, ông Đào Trọng H4, ông Đào Trọng C3 và bà Đào Thu H3 thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bị đơn bà Trần Thị C1, không có yêu cầu và tranh chấp gì đối với đất và tài sản khác gắn liền với đất.*

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST, ngày 15 tháng 4 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:**

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 162, Điều 165, Điều 166, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T và bà Trần Thị L; chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N1, Trần Thị N2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Công nhận cho nguyên đơn ông Trần Văn T được quyền quản lý sử dụng phần đất có diện tích 206,5m² gồm tách thửa 663-4 + 663-3, tờ bản đồ số 2, loại đất nghĩa trang nghĩa địa.

Công nhận cho bị đơn bà Trần Thị C1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 308,8m² gồm tách thửa 663-1 + 663-2, tờ bản đồ số 2, loại đất nghĩa trang nghĩa địa.

Công nhận cho bị đơn bà Trần Thị N1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 169m², gồm tách thửa 663-5, tờ bản đồ số 2, loại đất nghĩa trang nghĩa địa.

Tất cả các thửa đất nêu trên cùng tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 02/7/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vũng Liêm).

Các đương sự có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Buộc nguyên đơn ông Trần Văn T thôi lại giá trị đất cho bà N2 là 153.208.000đ (Một trăm năm mươi ba triệu hai trăm lẻ tám triệu đồng).

Buộc bị đơn bà Trần Thị C1 thôi lại giá trị đất cho bà Trần Thị L 301.092.000đ (Ba trăm lẻ một triệu, không trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Buộc bà Trần Thị N1 thôi lại giá trị cho bà Trần Thị N2 là 70.708.000đ (Bảy mươi triệu bảy trăm lẻ tám nghìn đồng).

Buộc bị đơn bà Trần Thị C1 thôi lại giá trị đất cho bà Trần Thị N2 là 77.176.000đ (Bảy mươi bảy triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí khảo sát, đo đạc và định giá, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 29/4/2021, bị đơn bà Trần Thị C1 kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Thị C1, sửa bản án sơ thẩm số 32/2021/DS-ST ngày 15/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm: Công nhận cho bà Trần Thị C1 được quản lý sử dụng phần đất có diện tích 308,8m² gồm các tách thửa 663-1, 663-2, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; bà Trần Thị C1 không trả giá trị đất cho bà Trần Thị L là 301.092.000đ và bà Trần Thị N2 là 77.170.000đ.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Trần Thị C1 xác định bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Trần Thị C1 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C1, đề nghị công nhận cho bà Trần Thị C1 quyền sử dụng các tách thửa 663-1, 663-2, 663-3, tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do bà C1 đã sử dụng đất ổn định, liên tục, lâu dài. Nếu chia thừa kế thì đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm chưa đưa đầy đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng trong vụ án, cụ thể là chưa đưa bà Nguyễn Thị H5 là con của ông Lương Văn N5 vào tham gia tố tụng, và nếu chia thừa kế thì phải xác định lại di sản của cụ Trần Thị T2 gồm có thửa 663 đang tranh chấp, thửa 837 của cụ Trần Thị T2 ủy quyền cho chị Huỳnh Thị Cẩm N và anh Lê Quốc T3 đứng tên và thửa 838 của cụ Trần Thị T2 ủy quyền cho ông Trần Văn T đứng tên.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đào C2 là bà Đào Thu N3, bà Đào Thu H1 và ông Đào Trọng C3 thống nhất với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Các nguyên đơn Trần Văn T, Trần Thị L không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Các nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn cùng xác định lại quan hệ huyết thống của cụ Trần Thị T2 như sau: Cụ Trần Thị T2 có 06 người con, gồm 05 người con là các đương sự trong vụ án (ông T, bà L, bà C1, bà N1 và bà N2) và 01 người con khác là ông Lương Văn N2; ông N2 chết trước cụ T2 và ông N5 có một người con là bà Nguyễn Thị H5, trú tại ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án dân sự sơ thẩm; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án

nhân dân huyện Vũng Liêm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Lý do: Cấp sơ thẩm chưa đưa đầy đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng, cần xác định lại di sản thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đào C2 là bà Đào Thu H3, bà Đào Thu N4, ông Đào Trọng Đ, Đào Thu O, Đào Trọng H4 được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng trên.

[2] Theo đơn khởi kiện của các nguyên đơn Trần Văn T, Trần Thị L và đơn yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị N1, Trần Thị N2 thì các đương sự yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 20 (thửa cũ là thửa 663), diện tích 688,8m² (theo đo đạc hiện trạng là 684,3m²), loại đất thổ vườn (thửa cũ là đất nghĩa trang, nghĩa địa), tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do cụ Trần Thị T2 chết để lại. Bị đơn Trần Thị C1 không đồng ý với yêu cầu của ông T, bà L, bà N1 và bà N2; bà C1 cho rằng phần đất mà ông T, bà L, bà N1 và bà N2 yêu cầu chia thừa kế không phải là di sản thừa kế của cụ T2; trong phần đất mà ông T, bà L, bà N1 và bà N2 yêu cầu chia thừa kế có 308,8m² là phần đất mà bà C1 cùng gia đình đã cải tạo đất và sử dụng ổn định từ năm 1976 cho đến nay nên bà yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng phần đất này cho bà. Do đó, đây là tranh chấp “Thừa kế quyền sử dụng đất; quyền sử dụng đất” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 và khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất” là chưa đầy đủ.

[3] Theo Công văn số 957/UBND ngày 02/12/2019, Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đã xác định: Ngày 05/5/2000, Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm ban hành Quyết định số 19/QĐ-UBND về việc công nhận hòa giải thành tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Quách N6 đại diện Hội người Hoa thị trấn Vũng Liêm với cụ Trần Thị T2; phần đất tranh chấp thuộc thửa 663, diện tích chung là 3.700m², loại đất nghĩa địa, tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành, cụ T2 đã thực hiện việc kê khai đăng ký quyền sử dụng đất như sau: Cụ T2 đã ủy quyền cho chị Huỳnh Thị Cẩm N6 và anh Lê Quốc T3 kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 837 (tách thửa 663), diện tích 310m², mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn; cụ T2 đã ủy quyền cho ông Trần Văn T kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 838 (tách thửa 663), diện tích 660m², mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm khác; ngoài ra, phần đất đo giao cho cụ Trần Thị T2 theo biên bản xác định ranh đất giữa khu Nhị tỳ (nghĩa địa)

của Hội người Hoa với cụ Trần Thị T2 ngày 06/3/2000 nhưng cụ T2 chưa kê khai đăng ký quyền sử dụng đất.

[4] Như vậy, tranh chấp đất đai giữa cụ T2 và Hội người Hoa thị trấn Vũng Liêm đã được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực và quyết định này đã được đưa ra thi hành. Do đó, phần đất tranh chấp diện tích 688,8m² (theo đo đạc hiện trạng là 684,3m²) là phần đất thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 của Luật đất đai năm 2003, khoản 3 Điều 100 của Luật đất đai năm 2013; năm 2006, cụ T2 chết nên phần đất này trở thành di sản của cụ T2.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị nếu chia thừa kế thì đề nghị hủy bản án sơ thẩm; người đại diện hợp pháp của bị đơn và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đào C2 thống nhất với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Xét thấy, đề nghị này là có căn cứ chấp nhận bởi lẽ tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự cùng xác định lại quan hệ huyết thống của cụ T2; theo đó, cụ T2 còn có một người con tên Lương Văn N5 đã chết trước cụ T2, ông N5 có một người con là bà Nguyễn Thị H6; tại cấp sơ thẩm, các đương sự đều không trình bày sự việc này nên cấp sơ thẩm không đưa bà Nguyễn Thị H6 vào tham gia tố tụng. Do vậy, để đảm bảo việc giải quyết vụ án được chính xác, toàn diện và để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H6, Tòa án cấp sơ thẩm cần phải đưa bà Nguyễn Thị H6 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm cần phải thu thập bổ sung chứng cứ để xác định có hay không có di sản của cụ T2 còn có thửa đất 837 và 838; nếu xác định hai thửa đất này thuộc di sản của cụ T2 như phía bị đơn trình bày thì phải đưa những người đang quản lý, sử dụng hai thửa đất này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần phải thu thập bổ sung chứng cứ để xác định trên phần đất thuộc di sản của cụ T2 có những tài sản gắn liền đất của những người nào để có cơ sở xác định đầy đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[6] Xét thấy, cần bổ sung người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và thu thập bổ sung chứng cứ đối với các tình tiết phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được; do đó, căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST, ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí:

Bà Trần Thị C1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị C1 số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long theo biên lai thu số 0009068 ngày 29 tháng 4 năm 2021.

Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh VL;
- TAND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Dương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Hà